

Kbang, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Số: 04/2025/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213; Điều 143, khoản 3 Điều 144 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 134/2024/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị O, sinh năm 1965 và ông Trương Đức C, sinh năm 1962;
Cùng địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Từ Quang T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Nhất N, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Theo yêu cầu đòi nợ tiền của nguyên đơn bà Lê Thị O và ông Trương Đức C thì bị đơn bà Nguyễn Thị Nhất N và ông Từ Quang T đồng ý, tự nguyện trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng theo phương thức trả nợ dần làm 15 lần, bằng tiền mặt, với thời gian trả nợ như sau:

- Lần 1, vào ngày 09/02/2025 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

- Lần 2, vào ngày 09/3/2025 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

- Lần 3, vào ngày 09/4/2025 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

- Lần 4, vào ngày 09/5/2025 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

- Lần 5, vào ngày 09/6/2025 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- Lần 6, vào ngày 09/7/2025 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- Lần 7, vào ngày 09/8/2025 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- Lần 8, vào ngày 09/9/2025 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- Lần 9, vào ngày 09/10/2025 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- Lần 10, vào ngày 09/11/2025 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- Lần 11, vào ngày 09/12/2025 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- Lần 12, vào ngày 09/01/2026 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- Lần 13, vào ngày 09/02/2026 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- Lần 14, vào ngày 09/3/2026 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- Lần 15, vào ngày 09/4/2026 bà N, ông T trả cho bà O, ông C số tiền nợ còn lại là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (bà O, ông C) (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (bà N, ông T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận bị đơn bà N, ông T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng.

Nguyên đơn bà O, ông C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0002414 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang;
- TAND tỉnh Gia Lai;

THẨM PHÁN

- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Nguyên